

Số: 309/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/07/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Trung Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Huy** và ông **Phùng Xuân Phong**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông **Đặng Văn Út**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 07 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc: tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 06 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm: 1993;

HKTT: Thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Chị T có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Cảnh Đ**, sinh năm: 1993;

HKTT: Thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Cảnh Đ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hà Nội ngày 24/3/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại

nhà anh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm trong quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, không cùng gánh vác kinh tế gia đình nên không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn từ năm 2019 nhưng sau đó thì lại rút đơn về sống đoàn tụ nhưng đến năm 2021 thì lại phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung: Có 02 con chung, cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày: 4/9/2014, cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/7/2018. Hiện nay cháu D1, cháu K đang ở cùng anh Đ và ông bà nội. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K và giao cháu Nguyễn Ngọc D1 cho anh Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Không có.

Đối với anh Nguyễn Cảnh Đ Toà án đã triệu tập rất nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 17/05/2022 Công an xã C cho biết anh Nguyễn Cảnh Đ có hộ khẩu thường trú tại xóm 1, thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Hiện nay anh Đ không có mặt tại địa phương, anh Đ thỉnh thoảng có về nhà mấy hôm rồi lại đi. Hiện nay anh Đ đang làm gì, ở đâu thì chúng tôi không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2022 UBND xã C cho biết: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 24/3/2014. Sau khi kết hôn chị T và anh Đ ở với nhau ngay và sống cùng gia đình anh Đ. Trong quá trình chung sống thì chị T và anh Đ có mâu thuẫn hay không thì chúng tôi không nắm được. Hiện nay chị T không sống cùng gia đình anh Đ, chỉ có hai con chung của chị T và anh Đ sống cùng bố mẹ của anh Đ, bản thân anh Đ đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về nhà vài hôm rồi lại đi.

Tại buổi làm việc với gia đình anh Đ; Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Nguyễn Cảnh Đ cho biết: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ con trai tôi tự nguyện tìm hiểu, gia đình có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hà Nội ngày 23/4/2014. Sau khi kết hôn chị T và anh Đ về ăn ở cùng với nhau ngay và sống ở nhà tôi. Trong quá trình chung sống thì chị T và anh Đ không có mâu thuẫn gì, không xảy ra cãi nhau, không có mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Qua tết dương lịch năm nay thì

anh Đ chở chị T ra bắt xe đi Hà Nội từ đó đến nay chị T không trở về nhà tôi sinh sống nữa. Thời gian từ 04/01/2022 thì chị T và anh Đ không chung sống với nhau nữa, việc chị T xin ly hôn anh Đ con trai tôi thì đó là quyền của cá nhân chị T và anh Đ. Chị T và anh Đ có hai con chung, cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày: 4/9/2014, cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/7/2018. Hiện nay cháu D1 và cháu K đang ở cùng vợ chồng tôi. Tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quan điểm của bố mẹ cháu và trách nhiệm nuôi các cháu. Chị T, anh Đ không có tài sản riêng, chung, nợ chung gì ai. Tôi có trao đổi với con trai tôi thì anh Đ nói vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tôi có nhận được giấy triệu tập của Toà án, tôi có thông báo cho anh Đ biết việc anh Đ đến Toà án làm việc hay không thì tôi cũng không biết. Bà N từ chối nhận bất cứ văn bản gì của Toà án.

Sau khi bà N đọc lại toàn bộ nội dung của biên bản, bà đồng ý với nội dung làm việc nhưng bà không ký vào văn bản vì theo bà ly hôn là việc của cá nhân của chị T và anh Đ.

Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử đối với anh Nguyễn Cảnh Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Huyền T vẫn giữ quan điểm của mình.

Đối với anh Nguyễn Cảnh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa, sau khi có quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt niêm yết đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ vẫn không có mặt, anh Đ cố tình trốn tránh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

*Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án

thụ lý đúng theo thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T. Cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Cảnh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung, cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày: 4/9/2014, cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/7/2018. Giao cho chị T được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cho anh Đ được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D1 cho đến khi cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh Đ đến khi chị T, anh Đ có yêu cầu.

- Tài sản chung, riêng, công sức chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Huyền T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Cảnh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng đến ngày hôm nay không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Anh Đ cố tình trốn tránh. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Cảnh Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ tự nguyện tìm hiểu, gia đình có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hà Nội ngày 23/4/2014 là Hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại và sống tại nhà anh Nguyễn Cảnh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, không cùng gánh vác kinh tế gia đình nên không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn từ năm 2019 nhưng sau đó thì lại rút đơn về sống đoàn tụ nhưng đến năm 2021 thì lại phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Cảnh Đ. Anh Nguyễn Cảnh đã được tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa làm việc. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay trong thời gian ly thân cả hai bên đều không có biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T và cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Cảnh Đ.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung, cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày: 4/9/2014, cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/7/2018. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và nguyện vọng của cháu D1, cháu D1 xin ở với bố, là hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Vì vậy cần thiết giao cho chị T được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cho anh Đ được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D1 cho đến khi cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là đúng qui định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Cảnh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy việc yêu cầu của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện. Tại phiên toà ngày hôm nay anh Đ vắng mặt nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ cho đến khi chị T và anh Đ có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chị T khai: Không có. Anh Đ vắng mặt nên HĐXX chưa giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T đối với anh Nguyễn Cảnh Đ.

Cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Cảnh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày: 4/9/2014, cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/7/2018.

Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Giao cho anh Nguyễn Cảnh Đ được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D1 cho đến khi cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ cho đến khi chị T, anh Đ có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Cảnh Đ được quyền qua lại thăm non chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng, chung, công sức chung, công nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0060022 ngày 24/2/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Cảnh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trung Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA